

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC

(Kỳ thi tháng 05/2023)

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
1	197620110016	Trịnh Đặng Đăng Anh	K64_KHCT	8,0	6,3	Đạt
2	207580108013	Lê Nguyễn Hoàng Anh	K65_TKNT	8,7	6,8	Đạt
3	21B340301727	Nông Thị Xuân Anh	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	6,3	Đạt
4	20B640101349	Trần Sỹ Anh	K65B2_LT_THUY_CQ	7,3	6,8	Đạt
5	21B340301720	Trần Thị Anh	K66A3_LT_KT_CQ	8,7	6,0	Đạt
6	21B640101646	Nguyễn Tuấn Anh	K66A6_LT_THUY_CQ	7,3	5,3	Đạt
7	20B640101439	Võ Quốc Ân	K65B2_LT_THUY_CQ	8,0	5,0	Đạt
8	197620110016	Trịnh Đặng Đăng Anh	K64_KHCT	8,0	6,3	Đạt
9	207580108013	Lê Nguyễn Hoàng Anh	K65_TKNT	8,7	6,8	Đạt
10	21B340301727	Nông Thị Xuân Anh	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	6,3	Đạt
11	20B640101349	Trần Sỹ Anh	K65B2_LT_THUY_CQ	7,3	6,8	Đạt
12	21B340301720	Trần Thị Anh	K66A3_LT_KT_CQ	8,7	6,0	Đạt
13	21B640101646	Nguyễn Tuấn Anh	K66A6_LT_THUY_CQ	7,3	5,3	Đạt
14	197640101003	Vũ Thị Ngọc Ánh	K64A_THUY	9,7	7,0	Đạt
15	21B340301717	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K66A3_LT_KT_CQ	9,0	6,3	Đạt
16	197210405001	Huỳnh Hồng Bằng	K64_KTCQ	8,0	6,0	Đạt
17	197620112001	Nguyễn Lê Bảo	K64_BVTV	6,7	6,3	Đạt
18	197640101005	Ngô Quốc Bảo	K64B_THUY	9,3	3,3	Không đạt
19	21B640101632	Nguyễn Chi Bảo	K66A6_LT_THUY_CQ	8,0	5,0	Đạt
20	207340301003	Nguyễn Lê Mỹ Bình	K65_KT	6,0	6,0	Đạt
21	197340103001	Võ Giang Bình	K64_QTDVDLLH	7,0	8,3	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
22	197580110001	Cao Thanh	Bình	K64_KTCQ	9,7	6,3	Đạt
23	197620211001	Lê Trương Trọng	Bình	K64_QLTNR	8,7	6,8	Đạt
24	20B640101407	Trần Thị	Bình	K65B2_LT_THUY_CQ	7,7	6,5	Đạt
25	21B340301003	Nguyễn Thị	Bình	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,7	8,0	Đạt
26	187620205012	K'	Brit	K63_LS	7,0	5,0	Đạt
27	21B340301012	Nguyễn Đình	Chi	K66A4_LT_KT_BH_CQ	9,3	8,8	Đạt
28	187340101028	Nguyễn Vũ	Chung	K63_QTKD	5,0	6,0	Đạt
29	197640101007	Nguyễn Hoàng	Công	K64B_THUY	7,3	6,0	Đạt
30	187850101010	Lê Thành	Công	K63_QLTNMT	8,3	5,3	Đạt
31	21B340301683	Phạm Văn	Cương	K66A3_LT_KT_CQ	7,0	5,0	Đạt
32	207850103005	Nguyễn Tuấn	Cường	K65_QLDD	8,3	9,3	Đạt
33	197620211004	Phan Mạnh	Cường	K64_QLTNR	8,3	6,8	Đạt
34	197620211005	Điền	Đà	K64_QLTNR	9,0	5,0	Đạt
35	197640101014	Lương Ngô Chí	Đại	K64B_THUY	8,7	6,3	Đạt
36	187420201005	Võ Trần Tuấn	Đạt	K63_QLDD	3,0	0	Không đạt
37	21B340301010	Nguyễn Tuấn	Đạt	K66A4_LT_KT_BH_CQ	6,0	2,5	Không đạt
38	21B340301714	Nguyễn Thị	Diễm	K66A3_LT_KT_CQ	8,0	6,8	Đạt
39	197640101018	Lê Tây	Diệp	K64B_THUY	6,7	5,0	Đạt
40	21B340301684	Bùi Đức	Định	K66A3_LT_KT_CQ	7,3	8,5	Đạt
41	197640101010	Lô Thị	Dịu	K64B_THUY	8,3	5,5	Đạt
42	21B340301716	Nguyễn Minh	Đoàn	K66A3_LT_KT_CQ	9,3	8,0	Đạt
43	197620112003	Mai Đình	Đồng	K64_BVTV	8,7	7,5	Đạt
44	207640101086	Văn Tiến	Dũng	K65B_THUY	7,0	7,0	Đạt
45	187640101087	Đặng Minh	Dũng	K63A_THUY	9,0	5,3	Đạt
46	197640101011	Nguyễn Hoàng	Dũng	K64B_THUY	8,7	6,3	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
47	197620105001	Trần Trung	Dũng	K64B_THUY	8,7	5,5	Đạt
48	21B640101635	Lê Thanh	Dũng	K66A6_LT_THUY_CQ	8,3	7,8	Đạt
49	21B640101627	Nguyễn Văn	Dũng	K66A6_LT_THUY_CQ	8,0	7,0	Đạt
50	197640101012	Lê Thị Thùy	Dương	K64A_THUY	8,3	5,3	Đạt
51	21B340301725	Hồ Thị Thùy	Dương	K66A3_LT_KT_CQ	9,0	8,5	Đạt
52	197640101013	Vũ Ngọc	Duy	K64B_THUY	7,3	6,0	Đạt
53	20B640101356	Thạch Trọng	Duy	K65B2_LT_THUY_CQ	7,7	5,0	Đạt
54	197640101019	Nguyễn Bá	Giác	K64A_THUY	9,0	6,5	Đạt
55	197640101020	Lê Tấn	Giang	K64B_THUY	8,0	6,8	Đạt
56	197640101021	Võ Thị Hương	Giang	K64A_THUY	8,3	6,0	Đạt
57	197640101022	Trần Quốc	Hải	K64B_THUY	8,0	6,8	Đạt
58	197620211006	Rơ Châm	Hải	K64_QLTNR	9,0	7,0	Đạt
59	21B850103065	Trần Văn	Hải	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,7	7,3	Đạt
60	21B340301715	Bùi Thị	Hằng	K66A3_LT_KT_CQ	6,7	8,5	Đạt
61	21B340301701	Nguyễn Thị	Hằng	K66A3_LT_KT_CQ	9,0	9,0	Đạt
62	21B340301687	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	K66A3_LT_KT_CQ	8,0	8,0	Đạt
63	187640101101	Đinh Văn	Hào	K63B_THUY	6,3	5,5	Đạt
64	197640101023	Ngô Thanh	Hiền	K64A_THUY	8,0	6,8	Đạt
65	197620211007	Điền Minh	Hiếu	K64_QLTNR	6,7	5,3	Đạt
66	197620112014	Võ Thị	Hoa	K64_BVTV	6,3	3,5	Không đạt
67	21B340301709	Nguyễn Bạch Mai Tuyết	Hoa	K66A3_LT_KT_CQ	7,0	8,8	Đạt
68	20B640101359	Ngô Châu	Hòa	K65B2_LT_THUY_CQ	7,3	5,0	Đạt
69	20B640101382	Nguyễn Khắc	Họa	K65B2_LT_THUY_CQ	9,0	5,3	Đạt
70	187620110013	Hoàng Huy	Hoàng	K63_KHCT	Vắng	0	Không đạt
71	197210405003	Nguyễn Tuấn	Hoàng	K64_KTCQ	6,0	6,3	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
72	197340301030	Huỳnh Thị	Huệ	K64B1_KT	9,0	7,0	Đạt
73	197850103005	Bùi Phi	Hùng	K64_QLDD	6,0	5,8	Đạt
74	197210405004	Dương Văn	Hùng	K64_KTCQ	6,0	6,3	Đạt
75	17B850103008	Lê Văn	Hùng	K66A5_LT_QLDD_CQ	9,0	8,3	Đạt
76	21B850103010	Nguyễn Mạnh	Hùng	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,3	8,3	Đạt
77	21B340301724	Đồng Thị	Hương	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	8,8	Đạt
78	197640101028	Dương Văn	Huy	K64B_THUY	7,3	8,8	Đạt
79	197580110002	Bùi Quang	Huy	K64_KTCQ	6,0	6,0	Đạt
80	197620211008	Điền	Huy	K64_QLTNR	7,3	5,0	Đạt
81	197620211009	Ngô Quốc	Huy	K64_QLTNR	7,3	5,3	Đạt
82	21B340301689	Nguyễn Thị Kim	Huy	K66A3_LT_KT_CQ	8,7	8,8	Đạt
83	21B340301025	Nguyễn Chi Diệu	Huyền	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,7	8,5	Đạt
84	21B340301032	Trần Thị	Huyền	K66A4_LT_KT_BH_CQ	9,3	8,5	Đạt
85	21B340301712	Lê Thị Diệu	Huyền	K66A3_LT_KT_CQ	7,0	8,8	Đạt
86	197620211010	Kon Sơ Ha	Huynh	K64_QLTNR	8,3	6,8	Đạt
87	187620110003	Cil	Joa	K63_KHCT	8,3	8,8	Đạt
88	197620110006	Kon Sơ Ha	Joet	K64_KHCT	8,7	6,8	Đạt
89	187620110011	Lê Đức Anh	Kha	K63_LS	6,3	7,0	Đạt
90	20B640101379	Phùng Ngọc	Khang	K65B2_LT_THUY_CQ	7,3	5,0	Đạt
91	187640101009	Phạm Ngô Ngọc	Khánh	K63A_THUY	7,7	5,0	Đạt
92	197440301001	Tạ Nguyễn Duy	Khánh	K64_QLTNMT	Vắng	0	Không đạt
93	20B640101360	Nguyễn Quốc	Khánh	K65B2_LT_THUY_CQ	7,7	6,0	Đạt
94	197640101031	Nguyễn Đăng	Khoa	K64A_THUY	9,3	7,0	Đạt
95	187850103035	Bùi Lê Văn	Khoai	K63_QLDD	7,0	5,0	Đạt
96	197640101034	Vũ Nhậm	Khuong	K64B_THUY	6,7	6,5	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
97	187640101019	Nguyễn Hoàng Duy	Khương	K63A_THUY	6,7	5,0	Đạt
98	207580108004	Đarúi Hà	Khương	K65_TKNT	8,0	7,5	Đạt
99	197620211012	Quách Long Minh	Kiệt	K64_QLTNR	9,3	5,8	Đạt
100	197620211011	Vũ Tuấn	Kiệt	K64_QLTNR	7,3	6,0	Đạt
101	21B340301690	Nguyễn Thụy Thoại	Lam	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	7,5	Đạt
102	197620112004	Nguyễn Thị Phương	Lan	K64_BVTV	8,3	5,5	Đạt
103	197850103009	Trần Thị	Linh	K64_QLDD	6,7	5,8	Đạt
104	20B640101402	Lý Thị Nhật	Linh	K65B2_LT_THUY_CQ	8,7	5,3	Đạt
105	187580108010	Huỳnh Quốc	Lĩnh	K63_TKNT	7,7	5,0	Đạt
106	197640101037	Dương Thị Hồng	Loan	K64A_THUY	8,0	6,8	Đạt
107	197620110008	Hồ Thành	Long	K64_KHCT	8,3	6,5	Đạt
108	197640101040	Nguyễn Duy Bảo	Long	K64A_THUY	7,7	7,0	Đạt
109	197640101039	Văn Đức Hoàng	Long	K64A_THUY	7,7	5,0	Đạt
110	187850101005	Hoàng Phi	Long	K64_QLTNMT	7,7	5,8	Đạt
111	197640101041	K Văn	Long	K64_QLTNR	7,0	6,3	Đạt
112	175640101032	Đặng Tấn	Luân	K62A_THUY	6,0	5,5	Đạt
113	197580110003	Trần Hoàng	Luân	K64_KTCQ	8,3	7,5	Đạt
114	197620205001	K	Luyện	K64_LS	8,3	6,5	Đạt
115	187640101108	Đinh Nguyễn Xuân	Mai	K64B_THUY	8,3	7,3	Đạt
116	21B340301704	Lý Thị	Mai	K66A3_LT_KT_CQ	6,7	9,0	Đạt
117	187640101077	Tạ Lê Ngọc	Minh	K63A_THUY	Vắng	0	Không đạt
118	175640101037	Huỳnh Thị Trà	My	K62A_THUY	Vắng	0	Không đạt
119	197640101043	Nguyễn Thị Tiểu	My	K64A_THUY	8,7	7,5	Đạt
120	21B640101643	Đỗ Văn	Mỹ	K66A6_LT_THUY_CQ	7,3	5,0	Đạt
121	20B640101364	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K65B2_LT_THUY_CQ	7,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
122	197340301014	Lý Thị Kim Ngân	K64_KT	6,0	5,0	Đạt
123	197850103013	Tou Neh Ria Ngân	K64_QLDD	7,0	6,8	Đạt
124	207850104002	Nguyễn Thị Trúc Ngân	K65_TKNT	7,3	6,5	Đạt
125	21B340301691	Phạm Bích Mỹ Ngân	K66A3_LT_KT_CQ	9,7	8,5	Đạt
126	197340101020	Nguyễn Mộng Nghi	K64_LS	8,7	5,8	Đạt
127	187640101042	Lê Khắc Nghĩa	K63B_THUY	5,7	5,3	Đạt
128	197340103004	Hoàng Trần Mỹ Ngọc	K64_QTDVDLLH	7,7	7,5	Đạt
129	197340301015	Ngô Thị Hồng Ngọc	K64_KT	8,3	6,8	Đạt
130	207340301043	Phan Lê Thị Bích Ngọc	K65_KT	7,0	6,5	Đạt
131	197340301016	Tạ Minh Ngọc	K64_KT	8,3	7,8	Đạt
132	197620112005	Nguyễn Đức Ngọc	K64_BVTV	7,3	5,8	Đạt
133	197340301038	Phạm Thị Bích Ngọc	K64B1_KT	9,0	7,0	Đạt
134	21B340301726	Nguyễn Trịnh Minh Ngọc	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	8,5	Đạt
135	197340101022	Nguyễn Hoàng Nguyên	K64_QTKD	6,0	5,0	Đạt
136	21B640101647	Nguyễn Lê Nguyên	K66A6_LT_THUY_CQ	8,0	5,5	Đạt
137	21B340301705	Phan Thị Minh Nguyệt	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	6,0	Đạt
138	197640101046	Đinh Minh Nhật	K64B_THUY	7,0	5,8	Đạt
139	197640101047	Trần Minh Nhật	K64A_THUY	8,7	5,5	Đạt
140	207580108005	Bùi Minh Nhật	K65_TKNT	8,0	5,8	Đạt
141	187340301021	Huỳnh Thị Mỹ Nhi	K63_KT	7,3	5,0	Đạt
142	187640101018	Văn Ngọc Quỳnh Nhi	K63A_THUY	4,3	0	Không đạt
143	197850103014	Đặng Hoàng Yến Nhi	K64A_THUY	8,3	6,8	Đạt
144	21B340301703	Đặng Thị Nhung	K66A3_LT_KT_CQ	9,3	9,5	Đạt
145	197640101050	Lê Thị Ngọc Nữ	K64A_THUY	8,7	7,3	Đạt
146	197620112006	Phan Văn Ôsil	K64_BVTV	6,7	6,5	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
147	197850103016	Trần Đình Hưng	Phát	K64_QLDD	7,7	5,3	Đạt
148	187580201002	Lại Đình	Phi	K63B_THUY	5,3	6,5	Đạt
149	197620211013	Điều	Phi	K64_QLTNR	8,0	7,5	Đạt
150	197620211014	H	Phiếu	K64_QLTNR	8,3	6,5	Đạt
151	21B850103069	Vũ Xuân	Phong	K66A5_LT_QLDD_CQ	6,0	7,8	Đạt
152	187640101109	Hồ Cao	Phú	K63B_THUY	8,3	6,0	Đạt
153	197620112007	Nguyễn Hoàng	Phúc	K64_BVTV	7,0	9,5	Đạt
154	197620211015	Nguyễn Hồng	Phúc	K64_QLTNR	8,7	5,5	Đạt
155	21B340301708	Võ Thị Hồng	Phúc	K66A3_LT_KT_CQ	9,3	7,3	Đạt
156	197850101008	Đỗ Lê Hoàng	Phương	K64_KT	6,0	5,8	Đạt
157	197340301020	Trần Thị Thảo	Phương	K64_QTKD	8,3	5,5	Đạt
158	197620112008	Đỗ Hoàng Thanh	Phương	K64_BVTV	6,3	5,0	Đạt
159	197640101051	Ma Khánh	Phương	K64A_THUY	5,7	6,0	Đạt
160	20B340301341	Vũ Thị Thanh	Phương	K65B1_LT_KT_BH_CQ	6,7	3,3	Không đạt
161	17B850103020	Nguyễn Văn	Phương	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,0	7,5	Đạt
162	21B340301692	Nguyễn Hồng	Phượng	K66A3_LT_KT_CQ	9,3	7,3	Đạt
163	207580108006	Đỗ Minh	Quân	K65_TKNT	9,0	8,3	Đạt
164	21B850103041	Nguyễn Bá	Quân	K66A5_LT_QLDD_CQ	8,3	7,5	Đạt
165	17B850103022	Trần Văn	Quang	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,0	7,8	Đạt
166	197620205002	Vũ Văn	Quảng	K64_LS	4,7	0	Không đạt
167	17B850103014	Trần Thanh	Quý	K66A5_LT_QLDD_CQ	8,7	8,0	Đạt
168	175620110011	Lê Nhất	Quỳnh	K62_KHCT	5,0	5,5	Đạt
169	197640101053	Phan Trọng	Quỳnh	K64A_THUY	7,3	6,3	Đạt
170	207580108007	Ba Râu	Rầy	K65_TKNT	9,0	6,3	Đạt
171	21B340301713	Phan Thị Thùy	Sâm	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	7,0	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
172	187810103001	Trần Duy	Sang	K63_QTDVDLLH	6,3	6,3	Đạt
173	197620205003	Huỳnh Hoàng	Son	K64_LS	8,0	6,5	Đạt
174	197340101026	Võ Văn	Tài	K64B_THUY	6,7	5,0	Đạt
175	197620112009	Trịnh Tấn	Tài	K64_BVTV	7,3	5,3	Đạt
176	197640101055	Lê Vũ	Tài	K64A_THUY	7,7	5,3	Đạt
177	20B640101370	Vũ Thành	Tâm	K65B2_LT_THUY_CQ	7,3	5,0	Đạt
178	21B340301718	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	8,5	Đạt
179	197620211017	Nguyễn Hoàng	Tân	K64_QLTNR	8,0	6,3	Đạt
180	21B640101633	Son Thái	Tân	K66A6_LT_THUY_CQ	8,3	7,0	Đạt
181	187620211029	Đồng Văn	Tèo	K63_QLTNR	7,3	3,5	Không đạt
182	21B340301007	Nguyễn Minh	Thắng	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,3	7,5	Đạt
183	21B850103066	Dương Văn	Thắng	K66A5_LT_QLDD_CQ	5,0	8,8	Đạt
184	207580108008	Nguyễn Minh	Thanh	K65_TKNT	Vắng	0	Không đạt
185	21B340301009	Phan Thị	Thanh	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,3	7,8	Đạt
186	21B640101638	Trần Thị	Thanh	K66A6_LT_THUY_CQ	7,7	7,5	Đạt
187	187340101016	Đình Trung	Thành	K64_QTKD	Vắng	0	Không đạt
188	21B340301696	Võ Đại	Thành	K66A3_LT_KT_CQ	8,7	8,5	Đạt
189	197640101073	Tăng Thị Xuân	Thảo	K64B_THUY	8,0	5,5	Đạt
190	197620211018	Lê Văn	Thảo	K64_QLTNR	6,7	5,0	Đạt
191	20B640101403	Nguyễn Thanh	Thi	K65B2_LT_THUY_CQ	9,3	5,0	Đạt
192	197850101009	Hoàng Thị	Thiên	K64_QLTNMT	7,3	5,8	Đạt
193	197850103020	Nguyễn Trung	Thiện	K64_QLDD	7,0	7,0	Đạt
194	197620205004	Nguyễn Gia	Thịnh	K64_QLTNR	7,0	7,0	Đạt
195	20B640101404	Trần Thị Kim	Thoa	K65B2_LT_THUY_CQ	6,7	3,5	Không đạt
196	21B850103048	Phạm Lê Hoàng	Thông	K66A5_LT_QLDD_CQ	7,3	7,3	Đạt

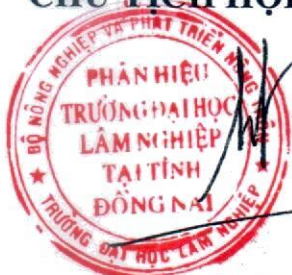
TT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
197	197640101059	Lê Thị Minh	Thư	K64A_THUY	7,0	6,8	Đạt
198	20B640101372	Đoàn Chí	Thức	K65B2_LT_THUY_CQ	7,0	5,3	Đạt
199	21B340301698	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	K66A3_LT_KT_CQ	9,3	7,5	Đạt
200	19B850103270	Trần Thị	Tiêm	K64B3_LT_QLDD_CQ	7,7	6,3	Đạt
201	197620112010	Trịnh Minh	Tiến	K64_BVTV	7,3	9,0	Đạt
202	197640101060	Trần	Tiến	K64A_THUY	8,7	7,0	Đạt
203	197620211019	Trần Minh	Tiến	K64_QLTNR	8,0	7,0	Đạt
204	197620205005	Cao Xuân	Tính	K64_LS	7,0	5,0	Đạt
205	187850103029	K Văn	Tinh	K63_QLDD	Vắng	0	Không đạt
206	197640101062	Nguyễn Ngọc	Toại	K64B_THUY	8,0	6,0	Đạt
207	21B340301707	Nguyễn Thị	Trà	K66A3_LT_KT_CQ	8,0	6,8	Đạt
208	197340301025	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	K64_KT	7,7	3,3	Không đạt
209	197640101063	Dương Thị Hoàn	Trâm	K64A_THUY	7,3	8,5	Đạt
210	207340301028	Nguyễn Thùy Bảo	Trân	K65_KT	6,0	6,5	Đạt
211	197640101064	Phạm Thị Phương	Trang	K64A_THUY	9,7	6,5	Đạt
212	21B850103064	Ngô Thị Thùy	Trang	K66A5_LT_QLDD_CQ	8,0	8,5	Đạt
213	197640101065	Hồ Đăng	Trí	K64B_THUY	8,0	6,5	Đạt
214	21B640101645	Ngô Thiện	Trí	K66A6_LT_THUY_CQ	8,3	7,3	Đạt
215	197850103023	H	Trim	K64_LS	8,3	5,8	Đạt
216	20B640101378	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	K65B2_LT_THUY_CQ	6,7	2,8	Không đạt
217	21B340301699	Trần Lệ	Trinh	K66A3_LT_KT_CQ	8,7	6,0	Đạt
218	207580108011	Trần Văn	Trinh	K65_TKNT	8,7	5,8	Đạt
219	197620205006	Lâm Thanh	Trọng	K64_LS	8,3	6,5	Đạt
220	207340301031	Hà Thị Thanh	Trúc	K65_KT	8,7	8,5	Đạt
221	197640101066	Hoàng Xuân	Trung	K64A_THUY	7,7	6,3	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
222	187620211039	Nguyễn Nhật Trung	K63_QLTNR	Vắng	0	Không đạt
223	197620205007	Nguyễn Phan Văn Trung	K64_LS	6,7	5,0	Đạt
224	21B640101628	Nguyễn Minh Trung	K66A6_LT_THUY_CQ	7,7	6,3	Đạt
225	197340301041	Bùi Văn Trường	K64B1_KT	7,3	5,5	Đạt
226	197640101068	Trần Quang Tuấn	K64A_THUY	9,0	7,3	Đạt
227	197340301035	Lê Ngọc Tuấn	K64B1_KT	8,0	7,0	Đạt
228	197340301044	Nguyễn Thanh Tuấn	K64B1_KT	6,3	5,5	Đạt
229	21B850103040	Chu Minh Tuấn	K66A5_LT_QLDD_CQ	9,0	8,3	Đạt
230	21B850103009	Đoàn Anh Tuấn	K66A5_LT_QLDD_CQ	9,3	8,8	Đạt
231	197640101069	Lê Thanh Tùng	K64A_THUY	7,7	7,5	Đạt
232	197620211020	Nguyễn Đình Tùng	K64_QLTNR	8,3	6,5	Đạt
233	21B340301028	Nguyễn Thị Kim Tuyền	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,0	8,0	Đạt
234	21B640101651	Nguyễn Công Tuyền	K66A6_LT_THUY_CQ	7,7	8,5	Đạt
235	207340301035	Võ Trần Phương Uyên	K65_KT	9,7	7,0	Đạt
236	21B340301702	Trần Thị Hồng Vân	K66A3_LT_KT_CQ	8,3	9,5	Đạt
237	197620110013	Ngô Lê Thảo Vi	K64_KHCT	7,3	6,3	Đạt
238	21B340301015	Nguyễn Vũ Tiểu Vi	K66A4_LT_KT_BH_CQ	5,7	9,5	Đạt
239	175640101040	Phan Đức Việt	K62A_THUY	7,7	6,3	Đạt
240	21B850103068	Nguyễn Quốc Việt	K66A5_LT_QLDD_CQ	6,0	8,0	Đạt
241	187640101059	Lê Trọng Vinh	K63B_THUY	8,0	6,5	Đạt
242	197620110014	Nguyễn Văn Vững	K64B_THUY	8,0	7,0	Đạt
243	21B340301721	Trương Thị Ái Vy	K66A3_LT_KT_CQ	9,0	9,5	Đạt
244	20B640101377	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	K65B2_LT_THUY_CQ	6,3	5,0	Đạt
245	21B340301026	Nguyễn Thị Thanh Xuân	K66A4_LT_KT_BH_CQ	8,3	8,5	Đạt
246	197850103027	Nguyễn Hoàng Xuyên	K64_QLDD	9,3	7,0	Đạt

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Lý thuyết	Thực hành	Kết luận
247	207340301047	Vũ Thị Hải Yên	K65_KT	9,0	8,0	Đạt
248	197640101072	Trần Yên	K64A_THUY	8,7	8,0	Đạt

Danh sách này gồm có 248 sinh viên./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Mãi Hải Châu

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Nguyễn Văn Phú